

Số: 115/2024/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Hữu S** sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 2000; địa chỉ: A L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04/3/2021, đúng pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh S, chị T trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S có 02 người con chung là Trần Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/3/2021 và Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 07/6/2023. Anh S, chị T thỏa thuận giao cả hai con là Trần Nguyễn Hải Đ và Trần Nguyễn Hải N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi; anh S cấp dưỡng cho con, mỗi con 5.000.000đ/tháng (Tức 10.000.000đồng/tháng/2con) kể từ ngày Quyết định có

hiệu lực pháp luật cho đến các khi con lần lượt đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh S, chị T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S phải chịu 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Trần Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 10/3/2021 và Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 07/6/2023 cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Hữu S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 10.000.000đ (5.000.000đ/cháu). Thời hạn nuôi con và cấp dưỡng cho con kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con Trần Nguyễn Hải Đ và Trần Nguyễn Hải N lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Trần Hữu S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh S, chị T đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai số 1682 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, nay không phải nộp thêm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Hương Chữ;
- Các đương sự;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh